TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-7- 2018
" V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ''.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Ngạn.

2. Bà Lê Thị Thao.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa***: Bà Tống Thị Ngọc Ánh- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1993 (có mặt).

ĐKHKTT: Thôn NP, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

Cư trú: Thôn AD, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành K, sinh năm 1987 (vắng mặt).

ĐKHKTT và cư trú: Thôn NP, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28-5-2018 và bản tự khai,biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/5/2016, sau đó được gia đình tổ chức đám cưới tại địa phương. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kể từ cuối năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do có nhiều điểm bất đồng trong

cuộc sống, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm dẫn đến hay va chạm và một phần vì anh K mải chơi, không quan tâm, chăm lo tới cuộc sống gia đình mà còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị V nhiều lần tha thứ cho anh, tạo cơ hội để anh sửa chữa nhưng anh vẫn chứng nào tật ấy, được một thời gian lại quay lại với những thói quen xấu làm ảnh hưởng đến niềm tin, tình cảm, hạnh phúc vợ chồng. Chị và bố mẹ hai bên gia đình đã tham gia, khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi bản thân mà còn thể hiện thái độ thách thức, phó mặc. Chị đã quyết định chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn AD, xã CĐ sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh K không sang tìm đón chị về đoàn tụ. Tháng 4 năm 2018 chị khởi kiện xin ly hôn anh K nhưng sau đó được gia đình động viên, hòa giải nên chị đã rút đơn về. Sau khi rút đơn vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về quan hệ con chung: Chị và anh K có 01 con chung là Nguyễn Quang A, sinh ngày 15-12-2016, hiện nay con chung còn nhỏ đang ở cùng với chị. Chị V đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng số tiền là 1.000.000đồng/1tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15-6-2018 bị đơn anh Nguyễn Thành K trình bày: Anh công nhận về điều kiện và thời gian kết hôn theo như chị V trình bày trên là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau về tính cách, dẫn đến hay cãi nhau, trong thời gian này anh đi lao động ở nước ngoài chị V luôn nghi ngờ anh không chung thủy và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh có gọi điện thoại về giải thích nhưng chị V không nghe dẫn đến vợ chồng cãi nhau trên điện thoại, sau đó anh ít liên lạc với chị V. Trong thời gian anh vẫn ở nước ngoài không hiểu lý do gì mà chị V bỏ nhà anh để về nhà bố mẹ đẻ chị V từ tháng 12 năm 2017. Đến đầu tháng 3 năm 2018 anh K về nước sớm hơn so với hợp đồng mà anh đã ký kết, sau khi anh về nước tình cảm vợ chồng luôn căng thẳng, không có biện pháp để hòa giải mâu thuẫn, anh cũng không sang nhà bố mẹ đẻ chị V để tìm mẹ con chị về để vợ chồng cùng đoàn tụ.Vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Anh và chị V có 01 con chung là Nguyễn Quang A, sinh ngày 15-12-2016. Nếu ly hôn anh K cũng nhất trí để chị V được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi thành niên. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không yêu cầuTòa án giải quyết.

Anh K đã nhận được Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần hai nhưng không tham gia.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn P (bố đẻ anh K) và ông Bùi Quang Đ (bố đẻ chị V) đều trình bày: Chị V và anh K tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Vũ. Do anh K mải chơi, không chịu khó làm ăn, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng cãi nhau, làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt thiếu sự quan tâm lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân. Đề nghị Tòa án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại UBND xã Cẩm Vũ và khu dân cư nơi anh K sinh sống cung cấp: Anh K và chị V kết hôn hợp pháp.Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh K, đề nghị được nuôi con chung cho đến khi thành niên và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 1.000.000đồng/tháng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ "phải có mặt theo giáy triệu tập của Tòa án" theo quy định tại khoản 16 Điều 70, 72 BLTTDS.

* Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị V, xử cho chị Bùi Thị V ly hôn anh Nguyễn Thành K; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 15-12-2016 cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của anh K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Bùi Thị V thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thành K có hộ khẩu thường trú tại thôn NP, xã CV, huyện CG, tỉnh HD nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị V và anh Nguyễn Thành K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, chia sẻ cho nhau trong cuộc sống dẫn đến thường xảy ra va chạm, nguyên nhân cũng một phần là do anh K không chịu khó làm ăn để tạo dựng kinh tế cho gia đình, vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng nhau, thường nghi ngờ nhau trong quan hệ tình cảm làm cho đời sống chung không tìm được tiếng nói và hạnh phúc. Vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Anh K không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh không đưa ra giải pháp nào để cải thiện tình trạng vợ chồng. Sau khi tiến hành hòa giải lần thứ nhất, theo nguyện vọng của bị đơn, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải lần hai, nhưng anh K không tham gia. Điều đó chứng tỏ anh K không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên việc hòa giải không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân đã nhiều tháng nay, không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của hai bên gia đình đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn,

nhiều lần xảy ra va chạm, to tiếng mà không thể hàn gắn được, HĐXX nhận thấy hôn nhân giữa chị V và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị V ly hôn anh K là phù hợp.

- *Về quan hệ con chung*: Chị V và anh K đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quang A, sinh ngày 15/12/2016. Hiện nay con chung còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) đang do với chị V chăm sóc nuôi dưỡng, chị V có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, anh K nhất trí và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đồng/tháng. Xét thấy để đảm bảo tính ổn định và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, tránh xáo trộn nên giao con chung cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.000.000đồng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự trình bày không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Bùi Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Thành K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Nguyễn Thành K.

Về quan hệ con chung: Giao cho chị Bùi Thị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Quang A, sinh ngày 15/12/2016 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chấp nhận sự tự nguyện của anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị V số tiền là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con chung Nguyễn Quang A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0002129 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thành K phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân Hà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Yến

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến